

# 恒利會計與顧問有限公司

EVER WIN ACCOUNTING & CONSULTING CO.,LTD

123/2020/NĐ-CP號議定+  
78/2021/TT-BTC號通知  
有關電子發票之相關規定



## 稅務新知 AC-2203 Điểm tin Thuế

**標題** 介紹第123/2020/NĐ-CP號議定和第78/2021/TT-BTC號通知關於  
**Tiêu đề** 發票、單據之若干新內容

**GIỚI THIỆU CÁC NỘI DUNG MỚI TẠI NGHỊ ĐỊNH 123/2020 VÀ THÔNG TƯ SỐ 78/2021/TT-BTC VỀ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ**

**編撰** 經理 阮維成 會計師  
**Người soạn** Giám đốc Kế toán Nguyễn Duy Thành

**涉及範圍** 電子發票、越南稅務法、增值稅發票、銷售發票  
**Phạm vi liên quan** Hóa đơn điện tử, Luật thuế Việt Nam, Hóa đơn GTGT, Hóa đơn bán hàng

Think for you Do for you  
為您思考 用心服務



# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

1. 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 8 條規定的發票包括：

Hóa đơn quy định tại điều 8 Nghị định 123/2020 này gồm các loại sau:

1.1. 增值稅發票是應用抵扣法申報增值稅於下列活動的組織的發票：

Hóa đơn giá trị gia tăng là hóa đơn dành cho các tổ chức khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ sử dụng cho các hoạt động:

a) 本地銷貨、提供服務；

Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;

b) 國際運輸活動；

Hoạt động vận tải quốc tế;

c) 出口到加工出口區或視為出口的情況；

Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

d) 出口貨物、提供服務到國外。

Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

1.2. 銷貨發票適用於下列組織、個人：

Hóa đơn bán hàng là hóa đơn dành cho các tổ chức, cá nhân như sau:

a) 以直接法申報、計算增值稅於下列活動的組織、個人：

Tổ chức, cá nhân khai, tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp sử dụng cho các hoạt động:

- 本地銷貨、提供服務；

Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ trong nội địa;

- 國際運輸活動；

Hoạt động vận tải quốc tế;

- 出口到加工出口區或視為出口的情況；

Xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 出口貨物、提供服務到國外。

Xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài.

b) 加工出口區的組織、個人向本地銷售貨物或者提供服務，以及在加工出口區內與組織、個人銷售貨物或者提供服務，出口貨物，提供服務到國外時，發票上寫明“適用於加工出口區內的組織、個人”。

Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ vào nội địa và khi bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa các tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan với nhau, xuất khẩu hàng hóa, cung cấp dịch vụ ra nước ngoài, trên hóa đơn ghi rõ “Dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan”.

### 2. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 3 條委任開具電子發票之規定

#### Về ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử quy định tại Điều 3 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 4 條第 7 款規定關於委任開具電子發票並由財政部具體指引：

Khoản 7 Điều 4 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử (HDDT) và giao Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể.

第 78/2021/TT-BTC 號通知第 3 條規定開具電子發票的委任內容如下：

Nội dung ủy nhiệm lập HDDT tại Điều 3 Thông tư số 78/2021/TT-BTC như sau:

- 第三方（開具電子發票的受委任方）為賣方的關聯方，為使用電子發票以及非被禁止使用電子發票的對象。

Bên thứ ba (bên nhận ủy nhiệm lập HDDT) là bên có quan hệ liên kết với người bán, là đối tượng đủ điều kiện sử dụng HDDT và không thuộc trường hợp ngừng sử dụng HDDT.

關聯關係依政府於 2020/11/05 規定關於有關聯交易企業的稅收管理之第 132/2020/NĐ-CP 號議定第 5 條第 2 款的規定確定。

Quan hệ liên kết được xác định theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第123/2020/NĐ-CP號議定第16條第1款規定停止使用電子發票的情況。

Các trường hợp ngừng sử dụng HĐĐT được quy định tại Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- 由受委任方開具的電子發票為帶或無帶稅務機關驗證碼，顯示委任方和受委任方的名稱、地址、稅號，並符合實際發生的電子發票。

HĐĐT do bên nhận ủy nhiệm lập là HĐĐT có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế và phải thể hiện tên, địa chỉ, mã số thuế của bên ủy nhiệm và tên, địa chỉ, mã số thuế của bên nhận ủy nhiệm và phải đúng thực tế phát sinh.

若委任發票為無帶稅務機關驗證碼的電子發票，則委任方有責任傳輸電子發票數據或通過服務供應組織傳輸電子發票數據給直接管理稅務機關。

Trường hợp hóa đơn ủy nhiệm là HĐĐT không có mã của cơ quan thuế thì bên ủy nhiệm có trách nhiệm chuyển dữ liệu HĐĐT hoặc thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ để chuyển dữ liệu HĐĐT đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

- 委任開票需以書面形式（委任合同或委任協議書）記錄並充分顯示以下資訊：

Việc ủy nhiệm phải được lập bằng văn bản (hợp đồng ủy nhiệm hoặc thỏa thuận ủy nhiệm) giữa hai bên và phải thể hiện đầy đủ các thông tin sau:

+ 委任方和受委任方的資訊（名稱、地址、稅號、數字證書）；

Thông tin về bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm (tên, địa chỉ, mã số thuế, chứng thư số);

+ 委任電子發票的信息（發票類別、發票符號、電子發票型號符號）；

Thông tin về hóa đơn điện tử ủy nhiệm (loại hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn);

+ 委任目的；

Mục đích ủy nhiệm;

+ 委任期限；

Thời hạn ủy nhiệm;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 委任發票的付款方式（在委任發票上寫明支付貨款、服務費的責任）；

Phương thức thanh toán hóa đơn ủy nhiệm (ghi rõ trách nhiệm thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên hóa đơn ủy nhiệm);

- 委任開票獲確定為變更登記使用電子發票的信息，因此，委任方和受委任方必須依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條的規定向稅務機關登記（通知）開具電子發票的委任，包括依雙方約定提前終止開具電子發票的委任。各方進行填寫隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格第 5 項、第 6 項的數據證書、名稱、稅號等相關信息。

Việc ủy nhiệm được xác định là thay đổi thông tin đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử do đó bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm phải đăng ký (thông báo) với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP về việc ủy nhiệm lập hóa đơn điện tử, bao gồm cả trường hợp chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm lập HĐĐT theo thỏa thuận giữa các bên. Các bên thực hiện điền thông tin liên quan chứng thư số, tên, mã số thuế tại Phần 5, Phần 6 Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

- 委任方和受委任方的責任：

Trách nhiệm của bên ủy nhiệm và bên nhận ủy nhiệm:

+ 委任開具電子發票時：雙方必須在其網站上標明或在大眾媒體上公開公告，以便買方得知開具發票的委任；

Khi thực hiện ủy nhiệm lập HĐĐT: các bên phải niêm yết trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng để người mua được biết về việc ủy nhiệm lập hóa đơn;

+ 委任期限屆滿或依雙方的約定提前終止委任期限時，雙方取消標明，在其單位網站上公告或在大眾媒體上公告委任開具發票；

Khi hết thời hạn ủy nhiệm hoặc chấm dứt trước thời hạn ủy nhiệm theo thỏa thuận giữa các bên thì hai bên hủy các niêm yết, thông báo trên website của đơn vị mình hoặc thông báo công khai trên phương tiện thông tin đại chúng về việc ủy nhiệm lập hóa đơn;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

**3. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 4 條規定的發票型號符號、發票符號、發票序列號名稱 Về ký hiệu mẫu số, ký hiệu hóa đơn, tên liên hóa đơn quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2021/TT-BTC**

### 3.1. 電子發票

#### Đối với hóa đơn điện tử

- 電子發票型號符號是一個自然數為 1、2、3、4、5、6 的自然數字符，以反映電子發票的類型，例如：增值稅電子發票；銷售電子發票；出售公共財產的電子發票；國家儲備品銷售電子發票；電子郵票、電子票、電子卡、電子收據的其他電子發票或有其他名稱但依第 123/2020/NĐ-CP 號議定具有電子發票內容的各項電子單據；像發票一樣適用和管理個電子單據，包括電子出庫兼內部運輸單、電子代理商的出庫單。

Ký hiệu mẫu số hóa đơn điện tử là ký tự có một chữ số tự nhiên là các số tự nhiên 1, 2, 3, 4, 5, 6 để phản ánh loại hóa đơn điện tử như: Hóa đơn điện tử giá trị gia tăng; Hóa đơn điện tử bán hàng; Hóa đơn điện tử bán tài sản công; Hóa đơn điện tử bán hàng dự trữ quốc gia; Hóa đơn điện tử khác là tem điện tử, vé điện tử, thẻ điện tử, phiếu thu điện tử hoặc các chứng từ điện tử có tên gọi khác nhưng có nội dung của hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP; Các chứng từ điện tử được sử dụng và quản lý như hóa đơn gồm phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ điện tử, phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý điện tử.

- 電子發票符號是一組 6 個字符，包括代表電子發票符號的字母和數字，以反映以下信息：

Ký hiệu hóa đơn điện tử là nhóm 6 ký tự gồm cả chữ viết và chữ số thể hiện ký hiệu hóa đơn điện tử để phản ánh các thông tin sau:

+ 第一個字符為一 (01) 個字母，指定為 C 或 K 如下：C 代表帶稅務機關驗證碼的電子發票、K 代表無帶稅務機關驗證碼的電子發票；

Ký tự đầu tiên là một (01) chữ cái được quy định là C hoặc K như sau: C thể hiện hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, K thể hiện hóa đơn điện tử không có mã;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 接下來的兩個字符為兩 (02) 位阿拉伯數字，代表電子發票的年份，根據日曆年的最後 2 位數字確定。

Hai ký tự tiếp theo là hai (02) chữ số Ả rập thể hiện năm lập hóa đơn điện tử được xác định theo 2 chữ số cuối của năm dương lịch.

+ 接下來的一個字符為一 (01) 個字母，指定為 T、D、L、M、N、B、G、H，代表所使用的電子發票類型。

Một ký tự tiếp theo là một (01) chữ cái được quy định là T, D, L, M, N, B, G, H thể hiện loại hóa đơn điện tử được sử dụng.

+ 最後兩個字符是賣方根據管理需要確定的字母。如果賣方在同一種發票中使用多個電子發票範本，則使用上面最後兩個字符來區分同一種發票中的不同發票範本。如果不需要管理，則載 YY；

Hai ký tự cuối là chữ viết do người bán tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý. Trường hợp người bán sử dụng nhiều mẫu hóa đơn điện tử trong cùng một loại hóa đơn thì sử dụng hai ký tự cuối nêu trên để phân biệt các mẫu hóa đơn khác nhau trong cùng một loại hóa đơn. Trường hợp không có nhu cầu quản lý thì để là YY;

### 3.2. 對於稅務機關定制印制的發票

#### Đối với hóa đơn do cơ quan thuế đặt in

- 稅務局定制印制的發票型號符號是一組 11 個字符，代表以下信息：發票類型名稱、序列號、發票類型中的範本序號（一種發票可以有多種範本）。具體如下：

Ký hiệu mẫu số hóa đơn do Cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 11 ký tự thể hiện các thông tin về: tên loại hóa đơn, số liên, số thứ tự mẫu trong một loại hóa đơn (một loại hóa đơn có thể có nhiều mẫu). Cụ thể như sau:

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 前六 (06) 個字符代表發票類型的名稱：01GTKT - 增值稅發票； 02GTTT - 銷售發票； 07KPTQ - 加工出口區組織和個人的銷售發票； 03XKNB - 出庫兼內部運輸單； 04HGDL - 發給代理商的出庫單。

Sáu (06) ký tự đầu tiên thể hiện tên loại hóa đơn: 01GTKT -Hóa đơn giá trị gia tăng; 02GTTT - Hóa đơn bán hàng; 07KPTQ - Hóa đơn bán hàng dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; 03XKNB - Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ; 04HGDL - Phiếu xuất kho hàng gửi bán đại lý.

+ 接下來的一 (01) 個字符為 1、2、3 的熙然書，代表發票的序列號；

Một (01) ký tự tiếp theo là các số tự nhiên 1, 2, 3 thể hiện số liên hóa đơn;

+ 接下來的一 (01) 個字符為 “/”，用於分隔；

Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách;

+ 接下里的三 (03) 個字符為一種發票類型中樣本的序號，從 001 到 999。

Ba (03) ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại hóa đơn, bắt đầu bằng 001 và tối đa đến 999.

- 稅務機關定制印制的發票符號為一組 08 個字符，代表以下信息：印制發票的稅務機關；印制發票的年份；稅務機關依管理需求自行確定的發票符號，具體如下：

Ký hiệu hóa đơn do Cục Thuế đặt in là một nhóm gồm 08 ký tự thể hiện thông tin về: Cục Thuế đặt in hóa đơn; năm đặt in hóa đơn; ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý, cụ thể như sau:

+ 前兩 (02) 個字符代表印制發票稅務機關的稅號，並依隨附第 78/2021/TT-BTC 號通知的第 I.A 附錄確定。

Hai (02) ký tự đầu tiên thể hiện mã của Cục Thuế đặt in hóa đơn và được xác định theo Phụ lục I.A ban hành kèm theo Thông tư số 78/2021/TT-BTC;



# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 接下來的兩個字符為越南字母表 20 個大寫字母中的兩個字母，包括：A、B、C、D、E、G、H、K、L、M、N、P、Q、R、S、T、U、V、X、Y，代表稅務機關根據管理需求自行確定的發票符號；

Hai (02) ký tự tiếp theo là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái Việt Nam gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y thể hiện ký hiệu hóa đơn do cơ quan thuế tự xác định căn cứ theo nhu cầu quản lý;

+ 接下來的一 (01) 個字符為 “/”，用於分隔；

Một (01) ký tự tiếp theo là “/” để phân cách;

+ 接下來的三 (03) 個字符，包括前兩 (02) 個字符，是代表稅務機關定制印制發票年份的兩份阿拉伯數字，其根據日曆年的最後兩個字數確定，和一 (01) 個字符代表稅務機關定制印制的發票的 P 字母。

Ba (03) ký tự tiếp theo gồm hai (02) ký tự đầu là hai chữ số Ả rập thể hiện năm Cục Thuế đặt in hóa đơn, được xác định theo 02 chữ số cuối của năm dương lịch và một (01) ký tự là chữ cái P thể hiện hóa đơn do Cục Thuế đặt in.

- 稅務機關定制印制的發票的序列號為同一個發票編號的表格。每個發票有三件，其中：第一件：保留；第二件：發給買方；第三件：內部。

Liên hóa đơn do Cục Thuế đặt in là các tờ trong cùng một số hóa đơn. Mỗi số hóa đơn có 3 liên trong đó: Liên 1: Lưu; Liên 2: Giao cho người mua; Liên 3: Nội bộ.

- 稅務機關定制印制的郵件、票、卡的發票符號包括三 (03) 個字符，用於區分郵票、票、卡屬於增值稅發票還是銷售發票，具體如下：

Ký hiệu mẫu số hóa đơn là tem, vé, thẻ do Cục Thuế đặt in gồm 03 ký tự để phân biệt tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn giá trị gia tăng hay hóa đơn bán hàng như sau:

- 符號 01/：用於增值稅發票類型的郵票、票、卡；

Ký hiệu 01/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn GTGT;

- 符號 02/：用於銷售發票類型的郵票、票、卡。

Ký hiệu 02/: đối với tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

3.3. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 5 條規定的帶稅務機關驗證碼的增值稅發票之使用轉換

Về việc chuyển đổi áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế quy định tại Điều 5 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

a. 正在使用無帶稅務機關驗證碼的電子發票的納稅人，若有轉換使用帶稅務機關驗證碼的增值稅發票的需求，則依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條的規定進行變更使用電子發票的信息。

Người nộp thuế đang sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế nếu có nhu cầu chuyển đổi áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế thì thực hiện thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

無帶稅務機關驗證碼的電子發票的使用對象依 2019 年稅務管理法第 91 條第 2 款確定。Đối tượng sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế được xác định theo Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019.

變更發票使用信息時，納稅人將隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格提交給稅務機關，並在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格第一部分“發票形式”上勾選“帶稅務機關驗證碼的發票”。

Khi thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn, NNT gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đến cơ quan thuế và đánh dấu chọn “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn” trên Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

b. 屬於使用無帶稅務機關驗證碼的電子發票的納稅人（依 2019 年稅務管理法第 91 條第 2 款確定），若依財政部於 2021.05.17 規定關於稅務管理中風險的適用的第 31/2021/TT-BTC 號通知的規定屬於稅務高風險並獲稅務機關通知的對象，則納稅人需轉換成帶稅務機關驗證碼的電子發票。

Người nộp thuế thuộc đối tượng sử dụng HĐĐT không có mã của cơ quan thuế (xác định theo Khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019) nếu thuộc trường hợp rủi ro cao về thuế theo quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế và được cơ quan thuế thông báo thì NNT phải chuyển đổi sang áp dụng HĐĐT có mã của cơ quan thuế.

自稅務機關發出通知之日起十（10）個工作天內，納稅人需依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條的規定通過將隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格提交給稅務機關並在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格第一部分“發票形式”上勾選“帶稅務機關驗證碼的發票”及按稅務機關的通知進行變更電子發票使用信息（從無帶稅務機關驗證碼的電子發票轉換成帶稅務機關驗證碼的電子發票）。

Trong thời gian mười (10) ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế phát hành thông báo, người nộp thuế phải thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử (chuyển từ sử dụng HĐĐT không có mã sang HĐĐT có mã của cơ quan thuế) theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP bằng cách gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP đến cơ quan thuế và đánh dấu chọn “Hóa đơn có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn” trên Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT và thực hiện theo thông báo của cơ quan thuế.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

轉換使用帶稅務機關驗證碼的電子發票後 12 個月內，若納稅人有使用無帶稅務機關驗證碼的電子發票的需求，則納稅人依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條的規定（納稅人將隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定的第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格提交給稅務機關並在第 01ĐKTĐ/HĐĐT 號表格第一部分“發票形式”上勾選“帶稅務機關驗證碼的發票”）辦理變更發票使用信息的變更。稅務機關依稅務管理法第 91 條第 2 款和財政部於 2021.05.17 規定關於稅務管理中風險的適用的第 31/2021/TT-BTC 號通知所規定的使用電子發票的對象和條件來審議決定是否批准納稅人對使用無帶稅務機關驗證碼電子發票的登記。

Sau 12 tháng kể từ thời điểm chuyển sang sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, nếu người nộp thuế có nhu cầu sử dụng hóa đơn điện tử không có mã thì người nộp thuế thực hiện khai thay đổi thông tin sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP (NNT gửi Mẫu số 01ĐKTĐ/HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và đánh dấu chọn “Hóa đơn không có mã của cơ quan thuế” tại Phần 1 “Hình thức hóa đơn”). Cơ quan thuế căn cứ đối tượng và điều kiện sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Quản lý thuế<sup>4</sup> và quy định tại Thông tư số 31/2021/TT-BTC ngày 17/5/2021 của Bộ Tài chính quy định về áp dụng rủi ro trong quản lý thuế để xem xét, quyết định trả lời về việc chấp thuận hay không chấp thuận đăng ký sử dụng HĐĐT không có mã của NNT.

### 3.4. 依第 78/2021/TT-BTC 號通知第 6 條的指引適用電子發票對於其他情況

#### Áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác theo hướng dẫn tại Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 13 條第 4 款規定財政部依管理需求指引適用電子發票對於其他情況（第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 13 條第 3 款規定的八（08）個情況除外）。Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định Bộ Tài chính hướng dẫn việc áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số trường hợp khác (ngoài tám (08) trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP) theo yêu cầu quản lý.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 78/2021/TT-BTC 號通知第 6 條對傳輸無帶稅務機關驗證碼電子發票數據給稅務機關、經營石油情況的發票數據傳輸、適用電子發票於經營戶及提供銀行服務的情況指引如下：

Điều 6 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế, chuyển dữ liệu hóa đơn đối với trường hợp kinh doanh xăng dầu, áp dụng hóa đơn điện tử đối với hộ kinh doanh và trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng như sau:

### 3.4.1. 傳輸無帶稅務機關驗證碼電子發票數據給稅務機關

Đối với việc chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử không có mã đến cơ quan thuế:

賣方開具電子發票並發給買方後，需同時將電子發票發給稅務機關，最遲為將發票發給買方的同一天。

Người bán sau khi lập HĐĐT gửi cho người mua phải đồng thời gửi HĐĐT cho cơ quan thuế, chậm nhất là trong cùng ngày gửi hóa đơn cho người mua.

將無帶稅務機關驗證碼電子發票發給買方的事宜依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 22 條第 3 款第 a.2 點的規定執行。

Việc gửi HĐĐT không có mã của cơ quan thuế cho người mua thực hiện theo quy định tại điểm a.2 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

3.4.2. 對於經營石油的情況：賣方依第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 22 條第 3 款第 a.1 點的規定在同一天內將石油銷售發票數據傳輸給稅務機關。

Đối với trường hợp kinh doanh xăng dầu: Người bán chuyển dữ liệu hóa đơn bán xăng dầu cho cơ quan thuế trong ngày theo quy định tại điểm a.1 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

若買賣雙方有約定，為貨物流通或數據查詢創造有利條件，賣方在開具電子發票的全部內容後，同時發給買方和稅務機關。

Trường hợp người bán và người mua có thỏa thuận để tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa hoặc tra cứu dữ liệu thì người bán sau khi lập hóa đơn điện tử đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi người mua đồng thời gửi cho cơ quan thuế.

### 3.4.3. 使用電子發票的經營戶、個人包括：

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm:

- 以申報方式納稅的經營戶和個人必須使用電子發票；

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai phải sử dụng hóa đơn điện tử;

- 按推定法納稅的經營戶、個人，若有使用發票的需求，則稅務機關應在每次發生時開具個人電子發票；

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh;

- 經營戶、個人按每次發生進行申報，若有使用發票的需求，則稅務機關在每次發生時開具個人電子發票。

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khai thuế theo từng lần phát sinh nếu có yêu cầu sử dụng hóa đơn thì cơ quan thuế cấp lẻ hóa đơn điện tử theo từng lần phát sinh.

### 3.4.4. 對於銀行服務：

Đối với dịch vụ ngân hàng:

- 開票日期根據銀行服務供應商與客戶之間的合同定期開具，但最遲為服務提供活動發生的月份的最後一天。發票所附的文件為列表或經雙方確認的其他文件。

Ngày lập hóa đơn được thực hiện định kỳ theo hợp đồng giữa bên cung cấp dịch vụ ngân hàng và khách hàng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ. Các tài liệu kèm theo hóa đơn là Bảng kê hoặc chứng từ khác có xác nhận của hai bên.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 若銀行服務供應量大、頻繁發生、銀行與相關第三方（支付機構、國際卡組織或其他組織）之間的數據核對需要時間，則開票時間為雙方之間的數據核對完成之時，但不遲於發生月份的下個月的第 10 天。

Trường hợp cung cấp dịch vụ ngân hàng với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát dữ liệu giữa ngân hàng và các bên thứ ba có liên quan (tổ chức thanh toán, tổ chức thẻ quốc tế hoặc các tổ chức khác) thì thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 10 của tháng sau tháng phát sinh.

### 3.5. 處理某些情況下的錯誤

#### Xử lý sai sót trong một số trường hợp

第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 19 條規定對於有錯誤的已開具的發票之處理（首次處理）。  
Điều 19 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định về xử lý đối với hóa đơn điện tử đã lập có sai sót (xử lý lần đầu).

第 78/2021/TT-BTC 號通知第 7 條對第一次處理後仍存在錯誤的情況下，予以指引繼續處理電子發票後續的錯誤，對有錯誤、缺交數據或需調整的電子發票總匯表予以處理指引。具體如下：

Tại Điều 7 Thông tư số 78/2021/TT-BTC hướng dẫn tiếp tục xử lý sai sót HĐĐT các lần tiếp theo nếu sau khi xử lý lần đầu vẫn còn sai sót, hướng dẫn xử lý bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử trong trường hợp có sai sót, gửi thiếu dữ liệu hóa đơn hoặc cần điều chỉnh. Cụ thể như sau:

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.5.1. 錯誤電子發票的處理原則：

Nguyên tắc xử lý hóa đơn điện tử sai sót:

- 若電子發票有錯誤需要補發稅務機關編碼，或電子發票有錯誤需要以調整或補發方式處理，則賣方有權選擇將每張有誤的發票的調整或對多張有誤的電子發票的調整隨時通知稅務機關，但最遲於產生調整的電子發票的增值稅申報期的最後一天。

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót phải cấp lại mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử có sai sót cần xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế thì người bán được lựa chọn để thông báo việc điều chỉnh cho từng hóa đơn có sai sót hoặc thông báo việc điều chỉnh cho nhiều hóa đơn điện tử có sai sót đến cơ quan thuế bất cứ thời gian nào nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của kỳ kê khai thuế giá trị gia tăng phát sinh hóa đơn điện tử điều chỉnh.

賣方使用隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定附錄 IA 的第 04/SS-HĐĐT 號表格將有誤發票的調整通知稅務機關。

Người bán sử dụng Mẫu số 04/SS-HĐĐT tại Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP để thông báo đến cơ quan thuế về việc điều chỉnh hóa đơn có sai sót.

- 如果賣方在提供服務之前或期間收款時開具發票，後續產生取消或終止服務的提供，則賣方進行取消已開具的電子發票並將發票的取消通知稅務機關。

Trường hợp người bán lập hóa đơn khi thu tiền trước hoặc trong khi cung cấp dịch vụ sau đó có phát sinh việc hủy hoặc chấm dứt việc cung cấp dịch vụ thì người bán thực hiện hủy hóa đơn điện tử đã lập và thông báo với cơ quan thuế về việc hủy hóa đơn.

- 若已開具的電子發票有誤，並賣方已通過調整或更換方式處理，然後再發現發票繼續有誤，則賣方在後續處理時，將按照第一次處理錯誤時適用的方式繼續處理。

Trường hợp hóa đơn điện tử đã lập có sai sót và người bán đã xử lý theo hình thức điều chỉnh hoặc thay thế, sau đó lại phát hiện hóa đơn tiếp tục có sai sót thì các lần xử lý tiếp theo người bán sẽ thực hiện theo hình thức đã áp dụng khi xử lý sai sót lần đầu.



# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 若電子發票無發票型號、發票符號或發票編號有誤，則賣方只能作更正，不得取消或更換；

Trường hợp theo quy định hóa đơn điện tử được lập không có ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn có sai sót thì người bán chỉ thực hiện điều chỉnh mà không thực hiện hủy hoặc thay thế;

- 若電子發票上有誤的數值內容，按實際調整增加（正號）或減少（負號）。

Đối với nội dung về giá trị trên hóa đơn điện tử có sai sót thì: điều chỉnh tăng (ghi dấu dương), điều chỉnh giảm (ghi dấu âm) đúng với thực tế điều chỉnh.

3.5.2. 對於提交的電子發票數據匯總表缺少數據、有錯誤和調整匯總表上的發票的情況

Đối với trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi thiếu dữ liệu, có sai sót và điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu

- 在向稅務機關傳送電子發票數據匯總表的期限後，若發現發給稅務機關的電子發票數據匯總表中缺少電子發票數據，賣方再提供補充的電子發票數據匯總表給稅務機關。  
Sau thời hạn chuyển bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đến cơ quan thuế, nếu phát hiện thiếu dữ liệu hóa đơn điện tử tại bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế thì người bán gửi bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử bổ sung.

- 若發給稅務機關的電子發票數據匯總表有誤，則賣方針對匯總表上申報的信息提交調整信息。

Trường hợp bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử đã gửi cơ quan thuế có sai sót thì người bán gửi thông tin điều chỉnh cho các thông tin đã kê khai trên bảng tổng hợp.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 在電子發票數據匯總表的發票調整中，必須填寫以下信息：發票型號，發票符號，發票編號（不必要有發票型號、發票符號、發票編號的完整信息的電子發票除外）。  
Việc điều chỉnh hóa đơn trên bảng tổng hợp dữ liệu hóa đơn điện tử thì phải điền đủ các thông tin: ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn (trừ trường hợp hóa đơn điện tử không nhất thiết phải có đầy đủ các thông tin ký hiệu mẫu số hóa đơn, ký hiệu hóa đơn, số hóa đơn).

3.5.3. 調整、更換的電子發票（包括已取消的電子發票）相關的稅務申報文件的補充申報將依稅務管理法的規定執行。

Việc khai bổ sung hồ sơ khai thuế liên quan các hóa đơn điện tử điều chỉnh, thay thế (bao gồm cả hóa đơn điện tử bị hủy) thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.6. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 8 條規定的由收銀機生成的電子發票

Hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền quy định tại Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

#### 3.6.1. 適用對象

##### Đối tượng áp dụng:

按申報方式納稅的企業、經營戶和個人正在使用帶或無帶稅務機關驗證碼的電子發票，但按（貿易中心；超市；消費品零售；餐飲；餐廳；酒店；現代藥品零售；娛樂服務及其他服務的）經營模式直接向消費者提供貨物、服務，由於發票數量多且連續，為方便開票，納稅人得以選擇使用收銀機將與稅務機關鏈接傳輸電子數據的從收銀機生成之電子發票適用於上述經營活動或使用正在使用的帶、無帶驗證碼之電子發票。

Doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp kê khai đang sử dụng hóa đơn điện tử có mã hoặc không có mã của cơ quan thuế nhưng có hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp đến người tiêu dùng theo mô hình kinh doanh (trung tâm thương mại; siêu thị; bán lẻ hàng tiêu dùng; ăn uống; nhà hàng; khách sạn; bán lẻ thuốc tân dược; dịch vụ vui chơi, giải trí và các dịch vụ khác) do số lượng hóa đơn xuất ra nhiều và liên tục, để thuận lợi trong việc lập hóa đơn thì NNT được lựa chọn sử dụng máy tính tiền để áp dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế đối với các hoạt động kinh doanh nêu trên hoặc sử dụng hóa đơn điện tử có mã, hóa đơn điện tử không có mã như đang áp dụng.

#### 3.6.2. 原則：

##### Nguyên tắc:

- 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 11 條規定與稅務機關鏈接傳輸電子數據的從收銀機生成的電子發票獲稅務機關簽發驗證碼如下：

Hóa đơn điện tử được khởi tạo từ máy tính tiền kết nối chuyển dữ liệu điện tử với cơ quan thuế được cơ quan thuế cấp mã đảm bảo quy định tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP như sau:

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 有認識與稅務機關鏈接傳輸電子數據的從收銀機生成的電子發票為帶稅務機關驗證碼的電子發票之標誌。從收銀機生成的電子發票上的稅務機關驗證碼將根據字符串自動開具、沒有重複地簽發給每個經營單位。納稅人在開具從收銀機生成的電子發票時，有責任確保連續唯一使用稅務機關簽發的字符串。

Có dấu hiệu nhận biết được hóa đơn in từ máy tính tiền kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế là HĐĐT có mã của cơ quan thuế. Mã của cơ quan thuế trên HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền được cấp tự động theo dải ký tự cho từng cơ sở kinh doanh, không trùng lặp. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng dải ký tự mã của cơ quan thuế đảm bảo liên tục và duy nhất khi lập HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền;

+ 不需要數字簽名；

Không bắt buộc có chữ ký số;

+ 確定稅務義務時，使用從收銀機生成的發票（或複制發票或從稅務總局電子信息網站上查詢發票信息）購買貨物、服務的費用獲確定為具備合法發票、單據的費用。

Khoản chi mua hàng hóa, dịch vụ sử dụng hóa đơn (hoặc sao chụp hóa đơn hoặc tra thông tin từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế về hóa đơn) được khởi tạo từ máy tính tiền được xác định là khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp khi xác định nghĩa vụ thuế.

- 與稅務機關鏈接傳輸電子數據的從收銀機生成的帶稅務機關驗證碼的電子發票內容如下：賣方的名稱、地址、稅號；買方信息（若買方要求）（個人識別號或稅號）；貨物、服務名稱、單價、數量、付款價。按抵扣方式納稅的組織、企業需註明未含增值稅的出售價格、增值稅稅率、增值稅金額、含增值稅的付款總額；開具增值稅時間；稅務機關代碼。

Nội dung HĐĐT có mã của cơ quan thuế được khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối chuyên dữ liệu điện tử với cơ quan thuế có các nội dung: Tên, địa chỉ, mã số thuế người bán; Thông tin người mua nếu người mua yêu cầu (mã số định danh cá nhân hoặc mã số thuế); Tên hàng hóa, dịch vụ, đơn giá, số lượng, giá thanh toán. Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp khấu trừ phải ghi rõ giá bán chưa thuế GTGT, thuế suất thuế GTGT, tiền thuế GTGT, tổng tiền thanh toán có thuế GTGT; Thời điểm lập hóa đơn; Mã của cơ quan thuế.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.6.3. 納稅人的責任

#### Trách nhiệm của người nộp thuế

在使用收銀機生成的電子發票時，納稅人進行：

Khi sử dụng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền, người nộp thuế thực hiện:

+ 根據第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 15 條的規定登記使用電子發票。

Đăng ký sử dụng HĐĐT theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP.

+ 開具發票發給客戶。發票須符合第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 11 條和第 78/2021/TT-BTC 號通知第 8 條第 3 款的原則。

Lập hóa đơn giao cho khách hàng. Hóa đơn đáp ứng nguyên tắc tại Điều 11 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 78/2021/TT-BTC.

+ 在制作收銀機生成的電子發票時使用稅務機關簽發的代碼字符串，確保連續性和唯一性。

Sử dụng dải ký tự mã của cơ quan thuế cấp khi lập hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền đảm bảo liên tục và duy nhất.

+ 通過電子數據接收、傳輸和存儲服務提供商，在同一天內將電子發票數據從收銀機傳輸到稅務機關。

Chuyển dữ liệu HĐĐT từ máy tính tiền cho cơ quan thuế ngay trong ngày thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ nhận, truyền, lưu trữ dữ liệu điện tử.

### 3.6.4. 從收銀機生成的電子發票的數據組成、傳輸方式和開展實施路程將根據稅務機關的指引執行。

Thành phần dữ liệu, phương thức truyền nhận và lộ trình triển khai áp dụng HĐĐT được khởi tạo từ máy tính tiền thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.7. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 11 條規定的實施效力

#### Hiệu lực thi hành quy định tại Điều 11 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

- 第 78/2021/TT-BTC 號通知自 2022.07.01 起生效。

Thông tư số 78/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022.

- 自 2022.07.01 起，電子發票適用於經營戶、經營個人。若第號議定第 14 條第 1 款規定的經營戶、個人未通過電子設施與稅務機關進行交易、無信息技術基礎設施、無會計軟件系統、無開具電子發票軟件來使用電子發票和將電子數據傳輸給買方和稅務機關，則得以在最多 12 個月的期間內使用稅務機關的紙質發票，並且稅務機關有逐步轉為使用電子發票的辦法。對於在 2022.07.01 前營運的經營戶、個人，最多 12 個月的期間自 2022.07.01 起一次性計算；或對於自 2022.07.01 起新設立的經營戶、個人，最多 12 個月的期間自登記使用發票之時起計算。

Hóa đơn điện tử áp dụng đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2022. Riêng trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP nếu không thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, không có hạ tầng công nghệ thông tin, không có hệ thống phần mềm kế toán, không có phần mềm lập hóa đơn điện tử để sử dụng hóa đơn điện tử và để truyền dữ liệu điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì sử dụng hóa đơn giấy của cơ quan thuế trong thời gian tối đa 12 tháng, đồng thời cơ quan thuế có giải pháp chuyển đổi dần sang áp dụng hóa đơn điện tử. Thời gian tối đa 12 tháng được tính một lần kể từ ngày 01/7/2022 đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động từ trước 01/7/2022; hoặc kể từ thời điểm đăng ký bắt đầu sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới thành lập từ ngày 01/07/2022.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 自 2022 年 07 月 01 日起，財政部失效的通知、決定書包括：

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2022, các Thông tư, Quyết định của Bộ Tài chính hết hiệu lực thi hành gồm:

+ 財政部 2001/04/13 關於頒行印製、發行、管理、使用印花稅票制度之第 30/2001/QĐ-BTC 號決定；

Quyết định số 30/2001/QĐ-BTC ngày 13/4/2001 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ in, phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế;

+ 2010/12/01 第 191/2010/TT-BTC 號通知，指引關於管理、使用運輸發票；

Thông tư số 191/2010/TT-BTC ngày 01/12/2010 hướng dẫn việc quản lý, sử dụng hóa đơn vận tải;

+ 財政部 2011/03/14 指引關於銷售貨物和提供服務的電子發票的創建、開具和使用之第 32/2011/TT-BTC 號通知；

Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khởi tạo, phát hành và sử dụng hóa đơn điện tử bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;

+ 財政部 2014/03/31 第 39/2014/TT-BTC 號通知（獲財政部 2014/08/25 第 119/2014/TT-BTC 號通知和 2015/02/27 第 26/2015/TT-BTC 號通知修改、補充）；

Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính);

+ 財政部部長 2015/06/23 有關試點使用帶有稅務機關驗證碼的電子發票之第 1209/QĐ-BTC 號決定，財政部部長 2018/04/16 有關擴大試點使用帶有稅務機關驗證碼的電子發票的範圍之第 526/QĐ-BTC 號決定；

Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc thí điểm, sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế, Quyết định số 526/QĐ-BTC ngày 16/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc mở rộng phạm vi thí điểm sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

+ 財政部部長 2016/12/14 有關延期執行 2015/06/23 第 1209/QĐ-BTC 號決定之第 2660/QĐ-BTC 號決定；

Quyết định số 2660/QĐ-BTC ngày 14/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc gia hạn thực hiện Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015;

+ 財政部 2016/11/15 指引關於印製、發行、管理和使用屬於國家預算的收費憑證之第 303/2016/TT-BTC 號通知；

Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;

+ 財政部 2017/04/27 第 37/2017/TT-BTC 號通知，修改、補充財政部 2014/03/31 第號通知（獲財政部 2014/08/25 第 119/2014/TT-BTC 號通知和 2015/02/27 第 26/2015/TT-BTC 號通知修改、補充）

Thông tư số 37/2017/TT-BTC ngày 27/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính);

+ 財政部 2019/09/30 第 68/2019/TT-BTC 號通知，指引實施政府 2018/09/12 規定關於電子發票之第 119/2018/NĐ-CP 號議定的若干條款；

Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử;

+ 2020/10/30 第 88/2020/TT-BTC 號通知，修改、補充財政部 2019/09/30 指引實施政府 2018/09/12 規定關於電子發票的第 119/2018/NĐ-CP 號議定的若干條款之第 68/2019/TT-BTC 號通知第 26 條。

Thông tư số 88/2020/TT-BTC ngày 30/10/2020 sửa đổi, bổ sung Điều 26 Thông tư số 68/2019/TT-BTC ngày 30/9/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018 của Chính phủ quy định về hóa đơn điện tử.



# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.8. 第 78/2021/TT-BTC 號通知第 12 條規定的過渡處理

#### Xử lý chuyển tiếp quy định tại Điều 12 Thông tư số 78/2021/TT-BTC

- 已宣布開具定制印制發票、私人印制發票、無帶驗證碼電子發票或已註冊使用帶稅務機關驗證碼的電子發票，已在第 78/2021/TT-BTC 號通知頒布之日前領購稅務機關的發票的企業、經濟組織，則自第 78/2021/TT-BTC 號通知頒布之日起至滿 2022.06.30 止獲繼續使用正使用的電子發票，並依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 號議定和政府 2014.01.17 規定關於銷售貨物、提供服務的發票的第 04/2014/NĐ-CP 號議定之規定辦理各項發票手續。

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã thông báo phát hành hóa đơn đặt in, hóa đơn tư in, hóa đơn điện tử không có mã hoặc đã đăng ký áp dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, đã mua hóa đơn của cơ quan thuế trước ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành thì được tiếp tục sử dụng hóa đơn đang sử dụng kể từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 và thực hiện các thủ tục về hóa đơn theo quy định tại các Nghị định: số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

第 78/2021/TT-BTC 號通知頒布之日起至滿 2022.06.30 止，對於依財政部在稅務總局提議的基礎上做出的決定，具備開展電子發票的基礎設施條件之地區，區內的經營單位有責任依稅務機關通知的時程將本通知規定的電子發票轉為適用。若經營單位未滿足信息技術基礎設施要求而繼續按上述形式使用發票，則經營單位依隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定附錄IA的第 03/DL-HĐĐT 號表格將發票數據以及增值稅申報表提交給稅務機關。稅務機關接收各經營單位的發票數據以輸入發票數據庫並刊登在稅務總局電子信息網站上以便查詢發票數據。

Từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, đối với các địa bàn đã đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng để triển khai hóa đơn điện tử theo Quyết định của Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Tổng cục Thuế thì cơ sở kinh doanh trên địa bàn có trách nhiệm chuyển đổi để áp dụng hóa đơn điện tử quy định tại Thông tư này theo lộ trình thông báo của cơ quan thuế. Trường hợp cơ sở kinh doanh chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo các hình thức nêu trên thì cơ sở kinh doanh thực hiện gửi dữ liệu hóa đơn đến cơ quan thuế theo Mẫu số 03/DL-HĐĐT Phụ lục IA ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP này cùng với việc nộp tờ khai thuế giá trị gia tăng. Cơ quan thuế tiếp nhận dữ liệu hóa đơn của các cơ sở kinh doanh để đưa vào cơ sở dữ liệu hóa đơn và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế phục vụ việc tra cứu dữ liệu hóa đơn.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 對於在第 78/2021/TT-BTC 號通知頒布之日起至滿 2022.06.30 止期間內新設立的經營單位，若稅務機關通知經營單位依第 123/2020/NĐ-CP 號議定、2018.09.12 第 119/2018/NĐ-CP 號議定及第 78/2021/TT-BTC 號通知的規定開展使用電子發票，則經營單位按稅務機關的指引執行。若未滿足信息技術基礎設施條件而依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 號議定和政府 2014.01.17 規定關於銷售貨物、提供服務的發票之第 04/2014/NĐ-CP 號議定繼續使用發票，則按上述經營單位方式執行。

Đối với cơ sở kinh doanh mới thành lập trong thời gian từ ngày Thông tư số 78/2021/TT-BTC được ban hành đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022, trường hợp cơ quan thuế thông báo cơ sở kinh doanh thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP, Nghị định số 119/2018/NĐ-CP ngày 12/9/2018, Thông tư số 63/2019/TT-BTC và Thông tư số 78/2021/TT-BTC thì cơ sở kinh doanh thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thuế. Trường hợp chưa đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin mà tiếp tục sử dụng hóa đơn theo quy định tại các Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ thì thực hiện như các cơ sở kinh doanh nêu trên.

- 針對依政府 2010/05/14 第 51/2010/NĐ-CP 號議定和 2014/01/17 第 04/2014/NĐ-CP 號議定（規定關於銷售貨物、提供服務的發票）印制的稅務機關發票，若發票符號、發票型號符號與本通知的指引相同，且其內容符合政府 2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 號議定的規定，則自 2022.07.01 起，依 2020/10/19 第 123/2020/NĐ-CP 號議定第 23 條的規定，稅務機關得以使用印制的發票出售給得以購買發票的對象。

Đối với hóa đơn của cơ quan thuế đã đặt in theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ nếu có ký hiệu hóa đơn, ký hiệu mẫu số hóa đơn giống với hướng dẫn tại Thông tư này và nội dung phù hợp với quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ thì cơ quan thuế được sử dụng hóa đơn đã đặt in để bán cho các đối tượng được mua hóa đơn từ ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 個人所得稅抵扣單據的使用依財政部於 2010.03.18 頒布指引關於私人印制個人所得稅抵扣單據的發行、使用、管理的第 37/2010/TT-BTC 號通知（和修改、補充的文件）和財政部部長於 2018.11.12 頒布關於頒行截至 2022.06.30 使用的個人所得稅徵稅單據範本的第 102/2008/QĐ-BTC 號決定繼續執行。若抵扣個人所得稅的組織滿足信息技術基礎設施條件，則得以於 2022.07.01 前依第 123/2020/NĐ-CP 號議定的規定使用電子單據形式抵扣個人所得稅，並依財政部 2010.03.18 第 37/2010/TT-BTC 號通知的指引辦理各項手續。

Việc sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc phát hành, sử dụng, quản lý chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân tự in trên máy tính (và văn bản sửa đổi, bổ sung) và Quyết định số 102/2008/QĐ-BTC ngày 12/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành mẫu chứng từ thu thuế thu nhập cá nhân đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022. Trường hợp các tổ chức khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đáp ứng điều kiện về hạ tầng công nghệ thông tin được áp dụng hình thức chứng từ điện tử khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP trước ngày 01 tháng 7 năm 2022 và thực hiện các thủ tục theo hướng dẫn tại Thông tư số 37/2010/TT-BTC ngày 18/3/2010 của Bộ Tài chính.

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

- 自企業、組織、經營戶、個人依政府第 123/2020/NĐ-CP 號議定和第 78/2021/TT-BTC 號通知的規定使用電子發票時起，若發現依 2010.05.14 第 51/2010/NĐ-CP 號議定、政府 2014.01.17 第 04/2014/NĐ-CP 號議定及財政部各指引文件的規定開具的發票存有錯誤，則賣方和買方需制立協議記錄並在記錄中註明錯誤，賣方依隨附第 123/2020/NĐ-CP 號議定的第 04/SS-HĐĐT 號表格通知稅務機關，及開具新的電子發票。取代原錯誤發票的電子發票須有“取代...年...月...日型號...符號...編號...”。賣方在新的電子發票上進行數字簽名以替換存有錯誤的發票（發票依政府第 51/2010/NĐ-CP 號議定、第 04/2014/NĐ-CP 號議定及財政部各項指引文件開具的）發給買方（對於使用無帶稅務機關驗證碼的電子發票）或稅務機關以獲得代替原發票的電子發票的代碼（對於使用帶稅務機關驗證碼的電子發票）。

Kể từ thời điểm doanh nghiệp, tổ chức, hộ, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-CP của Chính phủ và quy định tại Thông tư số 78/2021/TT-BTC, nếu phát hiện hóa đơn đã lập theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính mà hóa đơn này có sai sót thì người bán và người mua phải lập văn bản thỏa thuận ghi rõ sai sót, người bán thực hiện thông báo với cơ quan thuế theo Mẫu số 04/SS-HĐĐT ban hành kèm theo Nghị định số 123/2020/NĐ-CP và lập hóa đơn hóa đơn điện tử mới (hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế hoặc hóa đơn điện tử không có mã) thay thế cho hóa đơn đã lập có sai sót. Hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập có sai sót phải có dòng chữ “Thay thế cho hóa đơn Mẫu số... ký hiệu... số... ngày... tháng... năm”. Người bán ký số trên hóa đơn điện tử mới thay thế hóa đơn đã lập có sai sót (hóa đơn lập theo Nghị định số 51/2010/NĐ-CP, Nghị định số 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính) để gửi cho người mua (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử không có mã) hoặc người bán gửi cơ quan thuế để được cấp mã cho hóa đơn điện tử thay thế hóa đơn đã lập (đối với trường hợp sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế).

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

### 3.9. 第 16 條：停止使用電子發票

#### “Điều 16 Nghị định 123/2020: Ngừng sử dụng hóa đơn điện tử

1. 企業、經濟組織、其他組織、經營戶、個人需停止使用帶有和無帶有稅務機關驗證碼的電子發票若屬於下列情況之一：

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc các trường hợp sau ngừng sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế, ngừng sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế:

a) 終止稅號效力之企業、經濟組織、其他組織、經營戶、個人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh chấm dứt hiệu lực mã số thuế;

b) 稅務機關確認並通知不在註冊地址營運之企業、經濟組織、其他組織、經營戶、個人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thuộc trường hợp cơ quan thuế xác minh và thông báo không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký;

c) 向國家審權機關通知停業之企業、經濟組織、其他組織、經營戶、個人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh thông báo với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền tạm ngừng kinh doanh;

d) 收到稅務機關關於停止使用電子發票以進行強制欠稅的通知之企業、經濟組織、其他組織、經營戶、個人；

Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác, hộ, cá nhân kinh doanh có thông báo của cơ quan thuế về việc ngừng sử dụng hóa đơn điện tử để thực hiện cưỡng chế nợ thuế;

đ) 被職能機關發現有使用電子發票銷售走私品、違禁品、假品、侵犯知識產權商品的行為通知稅務機關的情況；

Trường hợp có hành vi sử dụng hóa đơn điện tử để bán hàng nhập lậu, hàng cấm, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

e) 被職能機關發現有以賣空商品或提供挪用組織、個人資金的服務為目的而開具電子發票的行為，並通知稅務機關。

Trường hợp có hành vi lập hóa đơn điện tử phục vụ mục đích bán không hàng hóa, cung cấp dịch vụ để chiếm đoạt tiền của tổ chức, cá nhân bị cơ quan chức năng phát hiện và thông báo cho cơ quan thuế;

g) 經營登記機關、國家審權機關發現企業依法律規定未具備足夠經營條件時要求企業暫停經營有條件營業項目的情況；

Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

根據清查、檢查結果，若稅務機關確定企業設立以非法買賣、使用電子發票或非法使用電子發票漏稅，則稅務機關將依法做出停止使用電子發票的決定；企業將依法受到處理。”

Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, nếu cơ quan thuế xác định doanh nghiệp được thành lập để thực hiện mua bán, sử dụng hóa đơn điện tử không hợp pháp hoặc sử dụng không hợp pháp hóa đơn điện tử để trốn thuế theo quy định thì cơ quan thuế ban hành quyết định ngừng sử dụng hóa đơn điện tử; doanh nghiệp bị xử lý theo quy định của pháp luật.”

# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

2019 年稅務管理法第 91 條第 2 款規定：在店裡、石油、郵電、清潔水、金融、信貸、保險、醫療、商業電子、超市業務、商業、空運、陸運、鐵運、海運、水運領域經營的企業以及已經或將通過電子方式與稅務機關進行交易的企業、經濟組織，建設信息技術基礎設施、擁有會計軟件、開具電子發票軟件系統，確保依法電子發票的開具、查詢和儲存電子發票數據，及確保電子發票數據向買方和稅務機關的傳輸，則在出售貨物、提供服務時，無論每次出售貨物和提供服務的價值如何，均得以使用無帶稅務機關驗證碼的電子發票。

Khoản 2 điều 91 Luật Quản lý thuế năm 2019 quy định: Doanh nghiệp kinh doanh ở lĩnh vực điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông, nước sạch, tài chính, tín dụng, bảo hiểm, y tế, kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh siêu thị, thương mại, vận tải hàng không, đường bộ, đường sắt, đường biển, đường thủy và doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đã hoặc sẽ thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương tiện điện tử, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, có hệ thống phần mềm kế toán, phần mềm lập hóa đơn điện tử đáp ứng lập, tra cứu hóa đơn điện tử, lưu trữ dữ liệu hóa đơn điện tử theo quy định và bảo đảm việc truyền dữ liệu hóa đơn điện tử đến người mua và đến cơ quan thuế thì được sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, không phân biệt giá trị từng lần bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

第 123/NĐ-CP 號議定第 22 條第 3 款第 a.2 點規定：

Điểm a.2 khoản 3 Điều 22 Nghị định số 123/NĐ-CP quy định:

“a.2) 全部發票內容的傳輸方法適用於本款第 a1 點規定以外的貨物銷售、服務提供的情況。

“a.2) Phương thức chuyên đầy đủ nội dung hóa đơn áp dụng đối với trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không thuộc quy định tại điểm a1 khoản này.

賣方在制作完發票的所有內容後，將發票發給買方，同時將發票發給稅務機關。”

Người bán sau khi lập đầy đủ các nội dung trên hóa đơn gửi hóa đơn cho người mua và đồng thời gửi hóa đơn cho cơ quan thuế.”



# 發票、單據之若干新內容

## CÁC NỘI DUNG MỚI VỀ HÓA ĐƠN CHỨNG TỪ

b) 由中央直轄省、市人委會向財政部提議的中小型企業，除在經濟區、工業區、高科技園區營運的企業之外。

Doanh nghiệp nhỏ và vừa khác theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi Bộ Tài chính trừ doanh nghiệp hoạt động tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao.

稅務總局實施或委託提供電子發票服務的組織進行提供無需支付服務費的帶稅務機關驗證碼之電子發票給上述對象。”

Tổng cục Thuế thực hiện hoặc ủy thác cho tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử thực hiện cung cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế không phải trả tiền dịch vụ cho các đối tượng nêu trên.”



## 聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi



[www.everwin-group.com](http://www.everwin-group.com)

No.23, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 907 216 188

☎ T +84 28 3975 6888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

No.133, Ni Su Huynh Lien St., Ward 10, Tan Binh District, HCMC

☎ M +84 913 125 253

☎ T +84 28 3860 3888

☎ F +84 28 3860 3999

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

G3.21-06, Vinhomes Greenbay, No.7 Thang Long Boulevard, Me Tri Ward, Nam Tu Liem District, Ha Noi

☎ M +84 908 398 199

✉ [marketing@everwin-group.com](mailto:marketing@everwin-group.com)

Think for you Do for you  
為您思考 用心服務

